

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 8 - 2022

V/v ly hôn giữa chị N và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Ông Nguyễn Văn Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Thôn T, xã T2, huyện N, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã T2, huyện N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc T – Sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T2, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2022 và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Ngọc T kết hôn ngày 03/5/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Khi chị sinh cháu lớn được 4 năm, anh T đến tìm động viên chị trở về, nghĩ đến con nên chị về chung sống với anh T, nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh T không quan tâm gì đến chị và con nên chị lại đưa con về nhà bố mẹ đẻ cư trú tại thôn T, xã T2, huyện N ở từ đó vợ chồng chị sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ để tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Giữa chị và anh T có 02 con chung là Trần Quang T, sinh ngày 29/01/2007 và Trần Hoài Th, sinh ngày 23/9/2013 hiện các con đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. Vì hiện nay chị đang làm nghề buôn bán tự do có Th nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Còn việc anh T có trách nhiệm với các con như thế nào là tùy anh ấy. Đơn đề nghị ngày 06/7/2022 các cháu T và Th đều có ý kiến, các cháu ở với mẹ từ nhỏ được mẹ chăm sóc rất tốt, khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2022 bị đơn anh Trần Ngọc T trình bày: Anh và chị N tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/5/2006 tại UBND xã T2, huyện N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống cả hai cùng khắc phục nhưng không được. Cuối năm 2014 chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó vợ sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn.

Về con chung: Giữa anh và chị N có 02 con chung họ tên, tuổi của các con như chị N trình bày trên là đúng, hiện nay các con đang ở cùng chị N. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi 02 con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng. Nếu chị N không đồng ý giao con cho anh nuôi thì anh đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 01 con, anh và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trường hợp các con đều có nguyện vọng ở với mẹ thì anh cũng nhất trí giao 02 con cho chị N nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi chung anh nhất trí. Nhưng anh sẽ có trách nhiệm với con trong khả năng của mình không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc Th thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Quang T, sinh ngày 29/01/2007 và Trần Hoài Th, sinh ngày 23/9/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T2, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 03/5/2006, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống đã cùng khắc phục nhưng không được, cũng từ đó vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa chị N làm đơn xin ly hôn anh T đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị N và anh T không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Trần Ngọc T của chị Nguyễn Thị N phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Trần Quang T, sinh ngày 29/01/2007 và Trần Hoài Th, sinh ngày 23/9/2013 hiện các con đang ở cùng chị N.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, nguyện vọng của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của con chung, nên tiếp tục giao các con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Việc anh T nhận sẽ có trách nhiệm với con chung theo khả năng của mình không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Ngọc T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là Trần Quang T, sinh ngày 29/01/2007 và Trần Hoài Th, sinh ngày 23/9/2013 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai số 0004687, ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục T hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T2;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh